

Bản án số: 1308/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2017

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 415/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mai L - sinh năm 1983

Địa chỉ: 45/40 đường H, Phường Y, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân T – Văn phòng Luật sư MP thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Kim P - sinh năm 1979

Địa chỉ: 57 đường H, Phường Y, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: đường H, phường P, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Danh K – sinh năm 1988

(Văn bản ủy quyền số 9115/2017/UQ-SBank ngày 09/8/2017)

Địa chỉ chi nhánh: đường H, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các buổi làm việc, nguyên đơn - bà Võ Thị Mai L trình bày: Bà và ông Trần Kim P tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 166/2003, quyền số I/PY ngày 17/11/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bên gia đình bà L tại địa chỉ 45/40 đường H, Phường Y, quận B, sau 4 năm vợ chồng chuyển về nhà 57/1 đường T, Phường Y, quận B. Năm 2012 thì vợ chồng mua căn nhà 57 đường H, Phường Y, quận B.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông P thường nhậu nhẹt về khuya có hành vi đánh đập, hành hạ vợ con, có lời lẽ và hành vi xúc phạm gia đình bên vợ. Mâu thuẫn vợ chồng P sinh là do ông P ăn nhậu, quan hệ với phụ nữ khác bên ngoài, do cả hai bất đồng quan điểm thường cãi nhau ở địa phương hàng xóm và công an đều biết chuyện vợ chồng bất hòa gây lộn. Bà L cũng nhiều lần bỏ qua, cho cơ hội để ông P khắc phục, sửa đổi nhưng cũng không thay đổi được. Từ tháng 5/2016 bà L và 2 con dọn đồ về nhà mẹ ruột do sống với ông P lúc nào cũng phải lo sợ, khủng hoảng về tinh thần và thể xác, hai người sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn đối với ông Trần Kim P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Phương A – sinh ngày 25/11/2004 và Trần Anh K – sinh ngày 17/12/2007. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng.

Ngày 13/6/2017 bà Võ Thị Mai L có đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất số 57 đường H, Phường Y, quận B, Tp. HCM (trị giá 4.000.000.000 đồng) và xe ô tô biển số đăng ký 51F-568.86 (trị giá 800.000.000 đồng). Bà L yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên là 2.400.000.000 (Hai tỷ bốn trăm triệu) đồng; Về nợ chung: Yêu cầu giải quyết khoản nợ chung vợ chồng là 845.000.000 đồng vay của Ngân hàng TMCP S để mua xe ô tô biển số 51F-568.86.

Bị đơn ông Trần Kim P trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống và kết hôn đúng như bà L trình bày. Ông thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau lý do là vì việc gia đình bên vợ can thiệp quá sâu vào cuộc sống gia đình và công việc kinh doanh làm ông khó chịu, ông thừa nhận việc thường hay nhậu nhẹt (do công việc làm ăn) về trễ, nóng tính lớn tiếng chửi vợ con, đánh vợ, nhưng sau đó ông hiểu và nhận ra lỗi lầm có xin lỗi và khắc phục. Ngoài ra công chuyện làm ăn kinh tế nhiều lúc gặp khó khăn cũng làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình mà bà L không có sự thông cảm, chia sẻ. Ông không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà L và do 2 con còn nhỏ. Ông thừa nhận sai trái và hứa khắc phục sửa đổi, cụ thể ông sẽ hạn chế nhậu nhẹt, sắp xếp thời gian lo cho vợ con, đưa đón con đi học, vợ chồng cùng lo cho gia đình, chia sẻ với nhau.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Phương A – sinh ngày 25/11/2004 và Trần Anh K – sinh ngày 17/12/2007. Nếu phải ly hôn thì ông đồng ý giao cho bà L nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng, nhưng do hiện công việc và thu nhập của ông chưa ổn định nên ông đề nghị thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 3/2018.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần S do ông Lưu Danh K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: ông Trần Kim P và bà Võ Thị Mai L có vay của hàng TMCP S số tiền 845.000.000 đồng để mua xe ô tô biển số 51F-568.86. Ngày 20/11/2017 giữa Ngân hàng và bà L, ông P đã thanh lý hợp đồng tín dụng số 15.00701/HĐTD/TDH/CN ngày 04/01/2016. Ngân hàng xác định ông P bà L đã tắt toán khoản vay trên, ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Võ Thị Mai L yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn xin ly hôn với ông Trần Kim P.

Về con chung: bà L yêu cầu được nuôi dưỡng 2 con chung Trần Ngọc Phương A – sinh ngày 25/11/2004 và Trần Anh K – sinh ngày 17/12/2007, yêu cầu ông P cấp dưỡng mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà L xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì bà và ông P tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: đã tắt toán khoản vay của ngân hàng TMCP S, bà L xác định không còn nợ chung.

Bị đơn ông Trần Kim P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: ông P đồng ý giao 2 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 3/2018.

Về tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: ông P xác định không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần S do ông Lưu Danh K là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông P. Giao 2 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình P biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

-Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: ghi nhận bà L và ông P thuận tình ly hôn; về quan hệ con chung: Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Ngọc Phương A – sinh ngày 25/11/2004 và Trần Anh K – sinh ngày 17/12/2007, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 3/2018 cho đến khi các

trẻ lần lượt trưởng thành; Về quan hệ tài sản chung: các bên tự thỏa thuận giải quyết và nợ chung: không có. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do bà L rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị Mai L có đơn yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Kim P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định pháp luật.

Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét ý kiến trình bày của Nguyên đơn bà Võ Thị Mai L tại phiên tòa xin rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất số 57 đường H, Phường Y, quận B và xe ô tô biển số đăng ký 51F-568.86, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn đối với ông Trần Kim P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 166/2003, quyển số I/PY do Ủy ban Nhân dân Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/2003 thì hôn nhân của bà L và ông P là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về quan hệ hôn nhân: theo bà L trình bày cùng lời thừa nhận của ông P thì trong quá trình chung sống, bà L và ông P thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau làm ảnh hưởng đến hàng xóm địa phương, do ông P thường xuyên đi nhậu về khuya có hành vi bạo lực với vợ con làm ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần và sức khỏe. Sống trong cảnh bất an, lo sợ nên bà L và 2 con dọn về nhà mẹ ruột sống ly thân với ông P từ tháng 5/2016 cho đến nay. Bà L nhận thấy thời gian sống cách biệt đã không còn tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông P và tại phiên tòa ông P đồng ý ly hôn.

Qua lời trình bày của bà L, ông P, có thể thấy giữa hai bên đã có mâu thuẫn, việc cả hai thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài thì việc duy trì, kéo dài hôn nhân giữa hai bên sẽ gây thêm mâu thuẫn cho cả hai. Do hạnh phúc gia đình phải được xây

dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải tôn trọng nhau nhưng giữa bà L và ông P đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa hôm nay bà L ông P thống nhất thuận tình ly hôn Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

Về con chung và mức cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, bà L ông P thống nhất giao 2 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 3/2018. Xét thỏa thuận của ông P và bà L là phù hợp với nguyện vọng của trẻ A và trẻ K nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông P và bà L về việc nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài chung : Bà L và ông P tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông P xác định không có. Ngân hàng Thương mại cổ phần S có văn bản ngày 20/11/2017 xác nhận ông P và bà L đã tắt toán khoản vay, ngân hàng không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn bà Võ Thị Mai L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0006065 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Ông Trần Kim P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Nguyên đơn bà Võ Thị Mai L được nhận lại số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006385 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Võ Thị Mai L yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất số 57 đường H, Phường Y, quận B, Tp. HCM và xe ô tô biển số đăng ký 51F-568.86, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

II/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mai L và ông Trần Kim P thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Phương A – sinh ngày 25/11/2004 và Trần Anh K – sinh ngày 17/12/2007. Giao trẻ A và trẻ K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Kim P cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ tháng 3/2018 cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Ông Trần Kim P được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Trần Kim P chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Kim P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất P sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L, ông P xác định không có.

III/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Võ Thị Mai L nộp, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0006065 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Kim P phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho bà Võ Thị Mai L số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006385 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

IV/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm